

III. THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học chính quy

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh

Sử dụng 05 phương thức tuyển sinh (xét tuyển và thi đánh giá năng lực):

- *Phương thức 1: Xét tuyển học bạ bậc THPT*

- *Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021*

- *Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2021 của Đại học Quốc gia TP. HCM*

- *Phương thức 4: Thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Yersin Đà Lạt tổ chức*

- *Phương thức 5: Xét tuyển thẳng thí sinh theo Quy chế tuyển sinh 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

a. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số QĐ mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm TS
1	7480201	Công nghệ thông tin	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
2	7440301	Khoa học môi trường	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
3	7420201	Công nghệ sinh học	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
4	7340101	Quản trị kinh doanh	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số QĐ mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm TS
5	7220201	Ngôn ngữ Anh	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
6	7580101	Kiến trúc	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
7	7580108	Thiết kế nội thất	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
8	7720301	Điều dưỡng	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
9	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2019
10	7720201	Dược học	QĐ 3135/QĐ-BGDĐT	24/08/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018	2019
11	7310608	Đông phương học	QĐ 2104/QĐ-BGD&ĐT	23/07/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	2019
12	7320108	Quan hệ công chúng	QĐ 2159/QĐ-BGD&ĐT	29/07/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	2019
13	7380107	Luật kinh tế	QĐ 2003/QĐ-BGD&ĐT	20/07/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020	2020
14	7540101	Công nghệ thực phẩm	QĐ 2004/QĐ-BGD&ĐT	20/07/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020	2020
15	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	QĐ 103/QĐ-DYD	12/07/2021	Trường ĐH Yersin ĐL	2021	2021

b) Chỉ tiêu tuyển sinh 2021

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu			Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4
				Tổng	Theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác				
1	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	120	40%	60%	A00	A01	C00	D01
2	Đại học	7380107	Luật kinh tế	100	40%	60%	A00	B00	C08	D07
3	Đại học	7440301	Khoa học môi trường	35	40%	60%	A00	A01	B00	D01
4	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	45	40%	60%	A00	A01	B00	D01
5	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	61	40%	60%	A00	A01	D01	K01
6	Đại học	7580101	Kiến trúc	48	40%	60%	V00	V01	H00	H01
7	Đại học	7580108	Thiết kế nội thất	36	40%	60%	V00	V01	H00	H01
8	Đại học	7540101	Công nghệ thực phẩm	80	40%	60%	A00	C00	C20	D01
9	Đại học	7720301	Điều dưỡng	206	40%	60%	A01	B00	D01	D08
10	Đại học	7720201	Dược học	61	40%	60%	A00	A01	B00	D07
11	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	95	40%	60%	A01	D01	D14	D15
12	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	133	40%	60%	A00	C00	D01	D15
13	Đại học	7310608	Đông phương học	120	40%	60%	A01	C00	D01	D15
14	Đại học	7320108	Quan hệ công chúng	110	40%	60%	A00	A01	C00	D01
15	Đại học	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	80	40%	60%	A00	A01	C01	D01
			TỔNG CỘNG	1330	532	798				

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

1.5.1. Phương thức 1: Xét tuyển học bạ THPT

a. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Đạt điểm học bạ theo từng hình thức như sau (thí sinh lựa chọn hình thức phù hợp):

* **HB1:** Sử dụng Điểm trung bình kết quả học tập HK1, HK2 của năm lớp 11 và HK1 của năm lớp 12 để xét tuyển. Tổng ĐTB của 3 học kỳ đạt 17.0đ trở lên. Công thức tính như sau:

$$(\text{ĐTB HK1 năm lớp 11} + \text{ĐTB HK2 năm lớp 11} + \text{ĐTB HK1 năm lớp 12}) \geq 17.0\text{đ}$$

* **HB2:** ĐTB của năm lớp 12 đạt 6.0 trở lên.

* **HB3:** ĐTB của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt 17.0đ trở lên. Trong đó, ngành Kiến trúc và Thiết kế nội thất đạt 12.0đ trở lên (đối với khối V00, H01).

Ví dụ: Thí sinh xét tuyển ngành Công nghệ Thông tin khối A00 thì cách tính điểm như sau:

$$\text{ĐTB môn Toán lớp 12} + \text{ĐTB môn Lý lớp 12} + \text{ĐTB môn Hóa lớp 12} \geq 17.0\text{đ}$$

▪ Ghi chú: Ngành Điều dưỡng xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại từ **khá** trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; ngành Dược học xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại **giỏi** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

b. Hồ sơ xét tuyển

- 1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo học bạ THPT (tải về trên website).
- 2) Bản sao Học bạ THPT (có chứng thực hoặc mang bản chính để đối chiếu).
- 3) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (có chứng thực hoặc mang bản chính để đối chiếu) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021).
- 4) Giấy chứng nhận hưởng chế độ ưu tiên (nếu có).

c. Thời gian xét tuyển

- Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/3/2021 đến ngày 20/4/2021.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 21/4/2021 đến ngày 10/6/2021.
- Đợt 3: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 11/6/2021 đến ngày 20/7/2021.
- Đợt 4: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 21/7/2021 đến ngày 10/8/2021.
- Đợt 5: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 11/8/2021 đến ngày 30/8/2021.
- Đợt 6: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 30/8/2021 đến ngày 20/9/2021.

Trong trường hợp có xét tuyển bổ sung, Trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ công bố trên website của Trường tại địa chỉ <http://yersin.edu.vn>

1.5.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021

Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi (theo thang điểm 10) đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy chế tuyển sinh.

a. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021.
- Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường Đại học Yersin Đà Lạt quy định.

** Đối với ngành Điều dưỡng và Dược học: Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định theo từng năm tuyển sinh.*

** Đối với ngành Kiến trúc và Thiết kế nội thất, Trường xét tuyển điểm thi môn vẽ tại các trường có tổ chức thi môn năng khiếu.*

b. Hồ sơ xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển năm (theo mẫu của Trường Đại học Yersin Đà Lạt).
- Bảng điểm gốc kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021.

c. Thời gian xét tuyển

- Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.5.3. Phương thức 3: Thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Yersin Đà Lạt tổ chức

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 30 và cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

a. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tham gia kỳ thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Yersin Đà Lạt tổ chức.
- Đạt điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường Đại học Yersin Đà Lạt quy định.

*** Ghi chú: Điều kiện dự thi đối với khối ngành sức khỏe:**

▪ Ngành Dược học: Học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; **hoặc** tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học phải có kết quả tốt nghiệp xếp loại khá hoặc điểm xét tốt nghiệp từ 6,5 trở lên.

▪ Ngành Điều dưỡng: Học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 trở lên; **hoặc** tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học phải có kết quả tốt nghiệp xếp loại từ trung bình hoặc điểm xét tốt nghiệp từ 5,5 trở lên.

b. Hồ sơ dự thi và xét tuyển

- Phiếu đăng ký dự thi và xét tuyển (tải về trên website).
- 04 ảnh (3x4) chưa quá 06 tháng (mặt sau ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh).
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Lệ phí dự thi: 200.000đ/thí sinh.

c. Hình thức tổ chức và thời gian

▪ Thí sinh làm 01 bài thi đánh giá năng lực gồm kiến thức ở các lĩnh vực: Toán và Tư duy logic, Tiếng Anh, Văn và Hiểu biết xã hội. Mục tiêu nhằm đánh giá năng lực học tập ở bậc đại học của thí sinh phù hợp với yêu cầu của các ngành đào tạo tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt.

▪ Nội dung: Chủ yếu nằm trong kiến thức lớp 12 của bậc THPT; có mở rộng để đánh giá về tư duy logic và hiểu biết xã hội.

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.
- Tổng số câu hỏi: 50 câu; mỗi câu 0.6 điểm; tổng điểm là 30đ. Điểm đạt cho bài thi đánh giá năng lực là 15/30đ.
- Thời gian làm bài: 60 phút.

▪ Đợt 1:

- Thời gian đăng ký dự thi: Hết 22/8/2021.
- Thời gian thi: Dự kiến 29/8/2021.
- Công bố kết quả: Dự kiến từ 31/8/2021.

▪ Đợt 2:

- Thời gian đăng ký dự thi: Hết 20/9/2021.
- Thời gian thi: Dự kiến 25/9/2021.
- Công bố kết quả: Dự kiến từ 27/9/2021.

Trong trường hợp có tổ chức bổ sung, Trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ công bố trên website của Trường tại địa chỉ <http://yersin.edu.vn>

1.5.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2021 của Đại học Quốc gia TP. HCM

Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi đánh giá năng lực 2021 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (thang điểm 1200) và cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định.

a. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Đạt từ 600 điểm trở lên của kỳ thi đánh giá năng lực 2021 do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.
- Đối với ngành Điều dưỡng: Học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 trở lên; và đạt mức điểm từ 650 điểm trở lên.
- Đối với ngành Ngành Dược học: Học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; và đạt mức điểm từ 700 điểm trở lên.

b. Hồ sơ xét tuyển

- 1) Phiếu đăng ký xét tuyển (tải về trên website).

2) Bản photo Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM.

3) Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

c. Thời gian xét tuyển

▪ Thời hạn đăng ký thi đánh giá năng lực: Theo quy định của Đại học Quốc gia TP. HCM.

▪ Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Trước ngày 30/7/2021.

1.5.5. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển riêng của trường

a. Đối tượng 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT vào tất cả các ngành.

b. Đối tượng 2: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định riêng của Trường với thí sinh đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt đồng thời các tiêu chuẩn sau:

▪ Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 5.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế 550 điểm hoặc TOEFL (iBT) 65 điểm trở lên (còn hiệu lực). Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 6.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 600 điểm hoặc TOEFL (iBT) 70 điểm trở lên (còn hiệu lực).

▪ Tốt nghiệp THPT từ loại Khá trở lên.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hình thức nộp hồ sơ xét tuyển

Thí sinh có thể nộp hồ sơ xét tuyển bằng 03 hình thức:

1) Đăng ký trực tiếp tại website <https://tracuuts.yersin.edu.vn/#/ChucNang> (sau đó phải gửi hồ sơ theo đường bưu điện).

2) Nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh và Truyền thông của Trường.

3) Nộp qua đường bưu điện (chuyển phát nhanh).

Ghi chú: Lệ phí xét tuyển: 25.000đ/nguyện vọng (nộp khi nộp hồ sơ xét tuyển).

Địa chỉ nhận hồ sơ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

Phòng Tuyển sinh & Truyền thông

27 Tôn Thất Tùng, phường 8, TP. Đà Lạt

ĐT: 02633 520000

Hotline: 1900 633 970 / 0911 66 20 22

Website: <http://yersin.edu.vn>

Email: tuyensinh@yersin.edu.vn

b. Thời gian xét tuyển

▪ Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/3/2021 đến ngày 20/4/2021.

- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 21/4/2021 đến ngày 10/6/2021.
- Đợt 3: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 11/6/2021 đến ngày 20/7/2021.
- Đợt 4: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 21/7/2021 đến ngày 10/8/2021.
- Đợt 5: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 11/8/2021 đến ngày 30/8/2021.
- Đợt 6: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 30/8/2021 đến ngày 20/9/2021.

Trong trường hợp có xét tuyển bổ sung, Trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ công bố trên website của Trường tại địa chỉ <http://yersin.edu.vn>

1.7. Các thông tin cần thiết khác

a. Danh mục các ngành xét tuyển, khối xét tuyển, tổ hợp xét tuyển

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1.	QUẢN TRỊ KINH DOANH Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán doanh nghiệp 3. Tài chính - Ngân hàng 4. Digital marketing	7340101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
2.	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ môi trường 2. Quản lý môi trường 3. Tư vấn môi trường	7440301	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
3.	CÔNG NGHỆ SINH HỌC Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ sinh học thực vật 2. Công nghệ vi sinh vật	7420201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
4.	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ phần mềm 2. AI - Trí tuệ nhân tạo 3. IoT - Internet of Things 4. Blockchain	7480201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) K01 (Toán, Tiếng Anh, Tin học)
5.	KIẾN TRÚC	7580101	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
6.	THIẾT KẾ NỘI THẤT	7580108	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
7.	ĐIỀU DƯỠNG	7720301	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
			D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh)
8.	DUỐC HỌC	7720201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh)
9.	NGÔN NGỮ ANH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. <i>Ngôn ngữ Anh</i> 2. <i>Tiếng Anh Du lịch</i> 3. <i>Tiếng Anh thương mại</i>	7220201	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
10.	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. <i>Quản trị Nhà hàng - Khách sạn</i> 2. <i>Quản trị lữ hành</i>	7810103	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
11.	ĐÔNG PHƯƠNG HỌC <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. <i>Hàn Quốc</i> 2. <i>Nhật Bản</i>	7310608	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh)
12.	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	7320108	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
13.	LUẬT KINH TẾ	7380107	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) C20 (Ngữ Văn, Địa lý, GD&ĐT) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
14.	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	7540101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) C08 (Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)
15.	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	7510205	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)

b. Quy định các tiêu chí phụ sử dụng trong xét tuyển

Tiêu chí phụ được sử dụng để xét tuyển: **Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển của thí sinh** (tính theo dấu bưu điện nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện).

c. Quy định về môn ngoại ngữ thay thế

Đối với thí sinh thi môn ngoại ngữ được chọn xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ thay thế theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

STT	Mức điểm chứng chỉ Tiếng Anh	Điểm quy đổi tuyển sinh
-----	------------------------------	-------------------------

	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	
1	450 - 474	42 - 52	4.0	B1	7.0
2	475 - 499	53 - 60	4.5	B1	8.0
3	500 - 529	61 - 71	5.0	B1	9.0
4	>= 530	>=72	>=5.5	B2	10.0

(Lưu ý, việc quy đổi điểm chỉ thực hiện đối với các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP, TOEFL iBT do tổ chức Educational Testing Service cấp và chứng chỉ IELTS do tổ chức British Council hoặc International Development Program cấp còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ).

Lấy thí sinh có kết quả thi từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Cách thức xét tuyển giữa ngành thứ nhất và thứ hai theo thứ tự ưu tiên trong phiếu xét tuyển (ĐKXT) của thí sinh.

1.8. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực

*** Đối với phương thức 1, 2, 3**

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

*** Đối với phương thức 4**

Mức điểm ưu tiên được xác định như sau: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 40 điểm, giữa hai khu vực kế tiếp là 10 điểm, tương ứng với tổng điểm bài thi đánh giá năng lực theo thang điểm 1200.

b. Các đối tượng được xét tuyển thẳng

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào trường

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Mức học phí của Trường Đại học Yersin Đà Lạt: Trung bình khoảng 8,5-9 triệu/học kỳ; riêng ngành Điều dưỡng, Kiến Trúc, Thiết kế nội thất, Công nghệ kỹ thuật ô tô khoảng 9-10,5 triệu đồng/học kỳ; ngành Dược học khoảng 10-11 triệu đồng/học kỳ (tùy kế hoạch học tập và số lượng tín chỉ đăng ký theo từng học kỳ).

Dự kiến tăng học phí cho các năm tiếp theo từ 10% đến 15% theo các quy định hiện hành.

1.10. Thông tin hỗ trợ giải đáp thắc mắc trong quá trình tuyển sinh

Địa chỉ website của trường: <http://yersin.edu.vn>

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BP. Tuyển sinh	1900 633 970	tuyensinh@yersin.edu.vn
2	Võ Ngọc Lan Hương	CV tư vấn	0911662022	tuyensinh@yersin.edu.vn
3	Nguyễn Thị Phương Trinh	CV tư vấn	0981309190	tuyensinh@yersin.edu.vn
4	Mai Thị Ngọc Huyền	CV tư vấn	1900 633 970	tuyensinh@yersin.edu.vn
5	Nguyễn Đắc Công	CV tư vấn	1900 633 970	tuyensinh@yersin.edu.vn
6	Lê Thị Thanh Nga	CV tư vấn	1900 633 970	tuyensinh@yersin.edu.vn
7	Phạm Ngọc Kiều Oanh	CV tư vấn	1900 633 970	tuyensinh@yersin.edu.vn

1.11. Những điểm mạnh của Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Tại Trường Đại học Yersin Đà Lạt, sinh viên (SV) sẽ được hòa mình và trải nghiệm môi trường giáo dục năng động, có tính ứng dụng cao; SV tốt nghiệp từ Yersin sẵn sàng gặt hái thành công, thay đổi tương lai.

Hãy cùng tìm hiểu những ưu thế khi học ở Yersin nhé:

1. Mục tiêu đào tạo “Công dân toàn cầu” sẵn sàng cho kỷ nguyên 4.0

- Trường Đại học Yersin Đà Lạt áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào xây dựng chương trình học; chúng tôi trang bị: **Tư duy (Mindset), Kiến thức (Knowledge), Kỹ năng (Skills) và Thái độ (Attitude)** để giúp bạn thành công và tiến xa trên con đường sự nghiệp.

2. Chương trình đào tạo đại học được rút ngắn còn 3 năm

- Chương trình học rút ngắn giúp SV tốt nghiệp sớm hơn 01 năm, tiết kiệm chi phí và có nhiều cơ hội hơn về nghề nghiệp tương lai. Nhà trường đào tạo tiếng Anh chuẩn B1-B2 châu Âu; giúp SV sử dụng thành thạo ngoại ngữ để tự tin hội nhập.

3. SV được trải nghiệm “Học kỳ doanh nghiệp”

- SV được trải nghiệm “**Học kỳ doanh nghiệp**” ngay từ năm nhất tại các Công ty, đối tác của Nhà Trường. Với mục tiêu “**Job ready - Học tập sẵn sàng cho nghề nghiệp tương lai**”, sau 3 năm học, SV sẽ có 1 năm kinh nghiệm thực tập, làm việc tại doanh nghiệp.

4. Cơ hội học tập và làm việc quốc tế

- Trải nghiệm “**Học kỳ nước ngoài**” tại các đất nước phát triển như: Nhật Bản, Hàn Quốc... cho một số ngành Điều dưỡng, Hàn Quốc học...

- SV ngành Điều dưỡng được trải nghiệm “**Học kỳ thực tập**” tại Nhật Bản có nhận lương 12 triệu/tháng; MIỄN PHÍ toàn bộ chi phí đến Nhật Bản.

- **Chương trình học tiếng Nhật và đi Nhật Bản làm việc dành cho SV ngành Điều dưỡng:** SV được học tiếng Nhật ngay từ năm Nhất để thi đạt trình độ tiếng Nhật N4. Và nếu thi đạt trình độ tay nghề theo Chương trình đặc định số 1 sẽ được miễn phí hoàn toàn chi phí đi Nhật (Nếu không thi tay nghề theo Chương trình đặc định số 1 của Nhật sẽ tốn

một khoản chi phí: Số tiền này có thể trả dần khi sang làm việc tại Nhật Bản). Mức lương khi làm việc tại Nhật khoảng 35-40 triệu đồng/tháng. Cách thức đăng ký tham gia chương trình: Thí sinh tải mẫu đơn đề điền và nộp cùng hồ sơ xét tuyển vào Trường Đại học Yersin Đà Lạt hoặc đăng ký khi đến làm thủ tục nhập học tại Trường.

5. Cam kết giới thiệu việc làm cho 100% SV tốt nghiệp

- Trường Đại học Yersin Đà Lạt cam kết giới thiệu việc làm cho 100% SV tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, đối tác chiến lược đã ký kết hợp tác với trường.

6. Miễn phí 200 chỗ ở cho những SV ở xa

- Miễn phí chỗ ở cho 200 tân SV nhập học đầu tiên tại khu Ký túc xá Thành phố Đà Lạt.

- Cách thức để nhận được các suất ở miễn phí trong Ký túc xá: Thí sinh làm Đơn xin ở trong Ký túc xá miễn phí để nộp cùng hồ sơ xét tuyển vào Trường Đại học Yersin Đà Lạt; và đến nhập học sớm ngay từ đợt nhập học đầu tiên: **25.07.2021**.

7. Học bổng Alexandre Yersin lên đến 1,5 tỷ đồng

Bao gồm các loại học bổng:

✿ Học bổng toàn phần: Miễn phí 100% học phí toàn khóa học.

✿ Học bổng bán phần: Miễn phí 50% học phí toàn khóa học.

✿ Học bổng 30%: Miễn phí 30% học phí toàn khóa học.

Điều kiện đạt học bổng:

- Điều kiện xét: Thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT 2021 từ 24đ trở lên hoặc tổng điểm học bạ 3 năm lớp 10, 11, 12 từ 25đ trở lên.

- Điều kiện để đạt học bổng những năm tiếp theo: Đạt học lực Khá trở lên (3.0 đối với hệ tín chỉ hoặc 7.5 đối với hệ niên chế).

- Cách thức để nhận được học bổng: Thí sinh làm **Đơn xin xét cấp học bổng và Thư giới thiệu của thầy/cô giáo tại Trường THPT** để nộp cùng hồ sơ xét tuyển vào Trường Đại học Yersin Đà Lạt và nhập học Nguyễn vọng 1 - Trước ngày 30/07/2021.

* **Học bổng dành cho học sinh trong cùng Tập đoàn giáo dục IGC:** Giảm 10% học phí học kỳ 1 cho học sinh tốt nghiệp từ các trường THPT trong Tập đoàn giáo dục IGC.

8. Tài trợ lãi suất vay vốn học tập 0% và chính sách học phí hấp dẫn

- SV được tài trợ hoàn toàn lãi suất vay vốn học tập và chỉ phải trả phần vốn vay sau khi tốt nghiệp. Cách thức để nhận được chính sách ưu đãi: Làm thủ tục vay vốn học tập tại Ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương và làm đơn đăng ký tại Phòng Quản lý Công tác Sinh viên – Phụ huynh vào ngày nhập học.

- Ngoài ra, so với các trường Đại học, Cao đẳng ngoài công lập khác, mức học phí của Trường Đại học Yersin Đà Lạt khá cạnh tranh: Trung bình khoảng 8,5-9 triệu/học kỳ; riêng ngành Điều dưỡng, Kiến Trúc, Thiết kế nội thất, Công nghệ kỹ thuật ô tô khoảng 9-10,5 triệu đồng/học kỳ; ngành Dược học khoảng 10-11 triệu đồng/học kỳ (tùy kế hoạch học tập và số lượng tín chỉ đăng ký theo từng học kỳ).

Bên cạnh đó, khí hậu ôn hòa tại TP. Đà Lạt rất phù hợp với việc học; học sinh dễ dàng nhận được sự quan tâm gần gũi, sự quản lý từ gia đình; các chi phí học tập, ăn, ở thấp...

1.12. Tình hình việc làm

a. Tình hình việc làm năm 2020

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	130	0	99	0	11	0	90.91	0
Khối ngành IV	110	0	60	0	24	0	87.5	0
Khối ngành V	200	0	64	0	6	0	100	0
Khối ngành VI	120	0	125	0	66	0	96.97	0
Khối ngành VII	50	0	72	0	44	0	86.36	0
Tổng	610	0	420	0	151	0	92.05	0

b. Tình hình việc làm năm 2019

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	130	0	81	0	21	0	87.5	0
Khối ngành IV	110	0	33	0	23	0	86.36	0
Khối ngành V	200	0	37	0	11	0	100	0
Khối ngành VI	120	0	107	0	88	0	100	0
Khối ngành VII	50	0	39	0	33	0	100	0
Tổng	610	0	297	0	176	0	96.86	0

1.13. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: Khoảng 47 tỷ đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 SV/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: Khoảng 20 triệu đồng.

2. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu

cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; người có bằng tốt nghiệp trình độ CĐ trở lên.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển.

- Xem chi tiết ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tại mục 2.5.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy	Chỉ tiêu VLVH	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành	Ngày tháng năm ban hành quyết định	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ quyết định	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340101	Quản trị kinh doanh	120	50	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
2	7380107	Luật kinh tế	100	50	QĐ 2003/QĐ-BGD&ĐT	20/07/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
3	7420201	Công nghệ sinh học	45	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
4	7480201	Công nghệ thông tin	61	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
5	7720301	Điều dưỡng	286	120	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	145	50	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
7	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	133	50	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

a. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng hoặc đại học;
- Đạt điểm học bạ theo từng hình thức như sau (thí sinh lựa chọn hình thức phù hợp):

* **Hình thức 1:** ĐTB tích lũy tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đạt từ 6.0 trở lên (đối với đào tạo hệ niên chế); hoặc 2.0 trở lên (đối với đào tạo theo hệ tín chỉ).

* **Hình thức 2:** ĐTB của năm lớp 12 đạt 6.0 trở lên.

* **Hình thức 3:** ĐTB của 3 môn học năm lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển đạt 17.0đ trở lên.

Ví dụ: Thí sinh xét tuyển ngành Công nghệ Thông tin khối A00 thì cách tính điểm như sau:

$$\text{ĐTB môn Toán lớp 12} + \text{ĐTB môn Lý lớp 12} + \text{ĐTB môn Hóa lớp 12} \geq 17.0đ$$

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào với khối ngành sức khỏe:

- Ngành Điều dưỡng: Học lực lớp 12 đạt loại khá; hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên (ĐTB lớp 10 + ĐTB lớp 11 + ĐTB lớp 12 $\geq 19,5$); hoặc tốt nghiệp THPT loại khá; hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo; hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ đạt loại khá trở lên.
- Sau khi thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên đây, nhà trường xét tuyển dựa vào ĐTB toàn khóa học trình độ trung cấp/ cao đẳng/ đại học.

Ghi chú: Đối với tuyển sinh đào tạo trình độ ĐH đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ ĐH trở lên nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề: Thí sinh phải có bằng tốt nghiệp trình độ ĐH trở lên thuộc nhóm ngành sức khỏe.

b. Hồ sơ xét tuyển

- 1) Phiếu đăng ký xét tuyển (tải về trên website);
- 2) Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học (có chứng thực);
- 3) Bảng điểm tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học (có chứng thực);
- 4) Bản sao Học bạ THPT (có chứng thực);
- 5) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (có chứng thực);
- 6) 02 tấm hình thẻ khổ 4x6cm, 02 tấm ảnh thẻ khổ 3x4cm.
- 7) 02 chứng minh nhân dân (bản sao).
- 8) Giấy chứng nhận hưởng chế độ ưu tiên (nếu có).

2.6. Tổ chức tuyển sinh

a. Hình thức nộp hồ sơ xét tuyển

Thí sinh có thể nộp hồ sơ xét tuyển bằng 03 hình thức:

- 1) Đăng ký trực tiếp tại website <https://tracuuts.yersin.edu.vn/#/ChucNang> (sau đó phải gửi hồ sơ theo đường bưu điện).
- 2) Nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh và Truyền thông của Trường.
- 3) Nộp qua đường bưu điện (chuyển phát nhanh).

b. Thời gian xét tuyển

Dự kiến có các đợt như sau:

- Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/01/2021.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/3/2021.
- Đợt 3: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/5/2021 đến ngày 30/5/2021.
- Đợt 4: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/7/2021.
- Đợt 5: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021.
- Đợt 6: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/11/2021.

Nếu có thay đổi, bổ sung các đợt xét tuyển, Trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ công bố thông tin trên website của Trường tại địa chỉ <http://yersin.edu.vn>

2.7. Các thông tin cần thiết khác

a. Danh mục các ngành xét tuyển, khối xét tuyển, tổ hợp xét tuyển

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1.	QUẢN TRỊ KINH DOANH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán doanh nghiệp 3. Tài chính - Ngân hàng 4. Digital marketing	7340101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
2.	LUẬT KINH TẾ	7380107	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) C20 (Ngữ Văn, Địa lý, GDCD) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
3.	CÔNG NGHỆ SINH HỌC <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Công nghệ sinh học thực vật 2. Công nghệ vi sinh vật	7420201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
4.	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Công nghệ phần mềm 2. AI - Trí tuệ nhân tạo 3. IoT - Internet of Things 4. Blockchain	7480201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) K01 (Toán, Tiếng Anh, Tin học)
5.	ĐIỀU DƯỠNG	7720301	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh)
6.	NGÔN NGỮ ANH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Ngôn ngữ Anh 2. Tiếng Anh Du lịch 3. Tiếng Anh thương mại	7220201	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
7.	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH <i>Gồm các chuyên ngành:</i> 1. Quản trị Nhà hàng - Khách sạn 2. Quản trị lữ hành	7810103	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)

b. Quy định các tiêu chí phụ sử dụng trong xét tuyển

Tiêu chí phụ được sử dụng để xét tuyển: **Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển của thí sinh** (tính theo dấu bưu điện nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện).

c. Quy định về môn ngoại ngữ thay thế

Đối với thí sinh thi môn ngoại ngữ được chọn xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ thay thế theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

STT	Mức điểm chứng chỉ Tiếng Anh				Điểm quy đổi tuyển sinh
	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	
1	450 - 474	42 - 52	4.0	B1	7.0
2	475 - 499	53 - 60	4.5	B1	8.0
3	500 - 529	61 - 71	5.0	B1	9.0
4	>= 530	>=72	>=5.5	B2	10.0

(Lưu ý, việc quy đổi điểm chỉ thực hiện đối với các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP, TOEFL iBT do tổ chức Educational Testing Service cấp và chứng chỉ IELTS do tổ chức British Council hoặc International Development Program cấp còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ).

Lấy thí sinh có kết quả thi từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Cách thức xét tuyển giữa ngành thứ nhất và thứ hai theo thứ tự ưu tiên trong phiếu xét tuyển (ĐKXT) của thí sinh.

2.8. Lệ phí xét tuyển

- Hồ sơ xét tuyển: 30.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí xét tuyển (thí sinh đóng khi nộp hồ sơ): 500.000đ/thí sinh.
- Lệ phí nhập học (đóng khi trúng tuyển và nhập học): 500.000đ/sinh viên.

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Học phí đối với ngành Điều dưỡng: 850.000đ/tín chỉ.
- Các ngành còn lại: 630.000-700.000đ/tín chỉ.
- Cam kết không tăng học phí trong suốt khóa học.

3. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học

3.1. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan

Trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ căn cứ nhu cầu thực tế của đặt hàng đào tạo để thoả thuận thực hiện đúng quy định và sẽ bổ sung vào Phụ lục của Đề án tuyển sinh trong thời gian tới.

a) Tuyển sinh do Nhà nước đặt hàng đào tạo thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính Phủ về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

b) Tuyển sinh do các chủ thể khác đặt hàng đào tạo và cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp thực hiện theo hợp đồng giữa các bên liên quan, không trái với quy định của pháp luật;

3.2. Chỉ tiêu đào tạo

Chỉ tiêu đào tạo đặt hàng theo nhu cầu nằm trong tổng chỉ tiêu đào tạo của Trường Đại học Yersin Đà Lạt trong năm 2021. Cụ thể như sau:

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu chính quy	Chỉ tiêu VLVH	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành	Ngày tháng năm ban hành quyết định	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340101	Quản trị Kinh doanh	120	50	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
2	7380107	Luật kinh tế	100	50	QĐ 2003/QĐ-BGD&ĐT	20/07/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
3	7440301	Khoa học môi trường	35	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
4	7420201	Công nghệ Sinh học	45	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
5	7480201	Công nghệ thông tin	61	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
6	7580101	Kiến trúc	48	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
7	7580108	Thiết kế nội thất	36	0	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
8	7540101	Công nghệ thực phẩm	80	0	QĐ 2004/QĐ-BGD&ĐT	20/07/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
9	7720301	Điều dưỡng	286	120	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
10	7720201	Dược học	61	0	QĐ 3135/QĐ-BGDĐT	24/08/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
11	7220201	Ngôn ngữ Anh	145	50	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
12	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	133	50	QĐ 823/QĐ-BGDĐT	12/3/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
13	7310608	Đông phương học	120	0	QĐ 2104/QĐ-BGD&ĐT	23/07/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019
14	7320108	Quan hệ công chúng	110	0	QĐ 2159/QĐ-BGD&ĐT	29/07/2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019
15	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	80	0	QĐ 103/QĐ-DYD	12/07/2021	Trường ĐH Yersin ĐL	2021

3.3. Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Điều kiện xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo Đề án này; quy định cho từng loại hình đào tạo tại các mục III.1 và III.2 trên đây. Cụ thể như sau:

III.1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH)

III.2. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH

3.4. Thời gian xét tuyển

Dự kiến có các đợt như sau:

- Đợt 1: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/01/2021.
- Đợt 2: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/3/2021.
- Đợt 3: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/5/2021 đến ngày 30/5/2021.

- Đợt 4: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/7/2021.
- Đợt 5: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021.
- Đợt 6: Nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/11/2021.

Nếu có thay đổi, bổ sung các đợt xét tuyển, Trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ công bố thông tin trên website của Trường tại địa chỉ <http://yersin.edu.vn>